

Số:433 /TB-TTKN

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**V/v duy trì chứng nhận sản phẩm phù hợp QCVN**

Kính gửi: Công ty TNHH Sagophar

Căn cứ kết quả đánh giá duy trì chứng nhận sự phù hợp, Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản duy trì chứng nhận sự phù hợp của các sản phẩm theo bảng dưới đây:

| TT | Tên sản phẩm    | Địa điểm sản xuất                                                                         | Mã số hợp quy       | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp |
|----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 1  | ACID ALL WAY S  | Lô G1-2, G11, G10-1, Đường D16, KCN Đông Nam, xã Bình Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | HQ.05.0.24.00729-1  | QCVN 02-31-2:2019/ BNNPTNT          |
| 2  | AQUA – ANTIZYME |                                                                                           | HQ.05.0.24.00729-6  |                                     |
| 3  | VITALEC-4 WAY   |                                                                                           | HQ.05.0.24.00729-56 |                                     |
| 4  | VITO-6 WAY      |                                                                                           | HQ.05.0.24.00729-58 |                                     |

Chi tiết thông tin sản phẩm tại Phụ 1; Kết quả thử nghiệm của sản phẩm ban hành kèm thông báo này.

Trung tâm thông báo để Công ty biết. Chúc quý Công ty đạt nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới.

**Nơi nhận:**

- Sở NN & MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Giám đốc TT (để b/c);
- Phòng DVKH;
- TT Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yến



## Phụ lục 1: Thông tin sản phẩm đánh giá duy trì

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 433 /TB-TTKN ngày 17/7/2025 của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

| STT | TÊN SẢN PHẨM  | THÀNH PHẦN TRƯỚC THAY ĐỔI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | THÀNH PHẦN SAU THAY ĐỔI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | VITO-6 WAY    | Vitamin B1 (min) .....3.000 mg/kg<br>Sorbitol (min) .....100.000 mg/kg<br>Vitamin B2 (min) .....2.000 mg/kg<br>Inositol (min) .....5.000 mg/kg<br>Vitamin B6 (min) .....3.000 mg/kg<br>$\beta$ - Glucan (min) .....10.000 mg/kg<br>Vitamin B12 (min) .....30 mg/kg<br>Lysine (min) .....10.000 mg/kg<br>Vitamin C (min) .....10.000 mg/kg<br>Methionine(min) .....5.000 mg/kg<br>Folic acid (min) .....2.000 mg/kg<br>Acid citric (min) .....30.000 mg/kg<br>Chất đệm (lactose) vừa đủ 1kg<br>Độ ẩm (max) 10%                                                                                                       | Vitamin B1 (min) .....3.000 mg/kg<br>Sorbitol (min) .....100.000 mg/kg<br>Vitamin B2 (min) 2.000 mg/kg<br>Inositol (min) .....5.000 mg/kg<br>Vitamin B6 (min) .....3.000 mg/kg<br>$\beta$ - Glucan (min) .....10.000 mg/kg<br>Vitamin B12 (min) 30 mg/kg<br>Lysine (min) .....10.000 mg/kg<br>Vitamin C (min) .....10.000 mg/kg<br>Methionine(min) .....5.000 mg/kg<br>Folic acid (min) .....2.000 mg/kg<br><u>Chất bảo quản.....Acid citric</u><br>Chất đệm (dextrose hoặc lactose) vừa đủ 1kg<br>Độ ẩm (max) 10%                                                                                          |
| 2   | VITALEC 4 WAY | Vitamin B1 (min) .....5.000 mg/kg<br>Sorbitol (min)..... 20.000 mg/kg<br>Vitamin B2 (min) .....2.000 mg/kg<br>Inositol ( min) .....10.000 mg/kg<br>Vitamin B6 (min) .....3.000 mg/kg<br>Sodium chloride (min) ...7.000 mg/kg<br>Vitamin B12 (min) .....40 mg/kg<br>Potassium chloride (min) .....12.000 mg/kg<br>Vitamin C (min) .....50.000 mg/kg<br>Acid citric (min) ...20.000 mg/kg<br>Lysine (min) .....60.000 mg/kg<br>Fe (min) .....2.000 mg/kg<br>Zn (min) .....2.000mg/kg<br>Cu (min) .....1.500 mg/kg<br>Methionine (min) .....5.000 mg/kg<br>Chất đệm (lactose) .....vừa đủ 1 kg<br>Độ ẩm (max) .....10% | Vitamin B1 (min) ...5.000 mg/kg<br>Sorbitol (min).....20.000 mg/kg<br>Vitamin B2 (min) ....2.000 mg/kg<br>Inositol ( min).....10.000 mg/kg<br>Vitamin B6 (min) .3.000 mg/kg<br>Sodium chloride (min)..7.000 mg/kg<br>Vitamin B12 (min)..40 mg/kg<br>Potassium chloride (min) ..12.000 mg/kg<br>Vitamin C (min) .....50.000 mg/kg<br>Fe (min).....2.000 mg/kg<br>Lysine (min).... 60.000 mg/kg<br>Cu (min).....1.500 mg/kg<br>Zn (min).....2.000mg/kg<br>Methionine (min) .....5.000 mg/kg<br><u>Chất bảo quản.....Acid citric</u><br>Chất đệm (Dextrose hoặc lactose) vừa đủ ..1 kg<br>Độ ẩm (max) .....10% |

| STT | TÊN SẢN PHẨM    | THÀNH PHẦN TRƯỚC THAY ĐỔI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | THÀNH PHẦN SAU THAY ĐỔI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | ACID ALL WAY S  | <p>Các acid hữu cơ:<br/> Formic acid (min)..... 200g<br/> Lactic acid (min) .....50g<br/> Propionic acid (min) .....40g<br/> Các khoáng chất và điện giải:<br/> K (min) .....5.000mg<br/> Na (min) .....4.000mg<br/> Mg (min) .....2.000mg<br/> Fe (min) .....5.000mg<br/> Zn (min) .....7.000mg<br/> Cu (min) .....10.000mg<br/> Dung môi (nước cất) ..... vừa đủ 1 lít</p>                                                                                     | <p>K (min) .....5.000mg<br/> Na (min) .....4.000mg<br/> Mg (min) .....2.000mg<br/> Fe (min) .....5.000mg<br/> Zn (min) .....7.000mg<br/> Cu (min) .....10.000mg<br/> Chất bảo quản.....Lactic acid, butyric acid<br/> Dung môi (nước cất) .....vừa đủ 1 lít</p>                                                                                                                                                                                                                            |
| 4   | AQUA - ANTIZYME | <p><i>Bacillus</i> spp (min) .....1×10<sup>11</sup> CFU/kg<br/> <i>Saccharomyces</i> spp ( min) ....1×10<sup>9</sup> CFU/kg<br/> Protease (min) .....1.000.000 IU/kg<br/> α - Amylase (min) .....1.250.000 IU/kg<br/> β - Glucanase (min) .....150.000 IU/kg<br/> Formic acid (min) .....8.000 mg/kg<br/> Lactic acid (min).....6.000 mg/kg<br/> Fumaric acid (min).....4.000 mg/kg<br/> Chất độn (Dextrose, lactose) ...vừa đủ 1Kg<br/> Độ ẩm (max).....10%</p> | <p><i>Bacillus</i> spp (min) .....1×10<sup>11</sup> CFU/kg<br/> <i>Saccharomyces</i> spp ( min) .....1×10<sup>9</sup> CFU/kg<br/> Protease (min) .....900.000 UI/kg<br/> Amylase (min) .....900.000 UI/kg<br/> β-glucanase (min) .....150.000 UI/kg<br/> Xylanase (min) .....10.000 UI/kg<br/> Cellulase (min) .....20.000 UI/kg<br/> Phytase (min) .....20.000 UI/kg<br/> Chất bảo quản.....Fumaric acid<br/> Chất độn (Dextrose hoặc Lactose)...vừa đủ 1Kg<br/> Độ ẩm (max)..... 10%</p> |

